

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10- ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 4 - 2026
V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quang Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Hiền
Ông Nguyễn Ngọc Châu
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:*
Ông Phạm Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2026 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-HN ngày 19/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Trịnh Thanh T**, sinh năm 1997
Địa chỉ: Tổ 10, thôn H, xã T, tỉnh Đồng Nai.
CCCD số xxxxxxxxxxx79, cấp ngày xx/xx/2023
Có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Ông **Vũ Minh N**, sinh năm 1995
Địa chỉ: Tổ 10, thôn H, xã T, tỉnh Đồng Nai.
CCCD số xxxxxxxxxxx16, cấp ngày xx/xx/2022
Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2026 và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Lê Thị Thanh T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh T và ông Vũ Minh N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (Nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Quá trình chung sống, bà Lê Thị Thanh T và ông Vũ Minh N sống hạnh phúc đến năm 2025, từ đầu năm 2026 đến nay thì sống không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do thời gian gần đây vợ chồng không thống nhất với nhau trong quan điểm sống, bà T và ông N cũng đã nhiều lần trao đổi nhưng không được. Hiện tại, tình cảm bà Lê Thị Thanh T dành cho ông Vũ Minh N đã thực sự hết nên có yêu cầu ly hôn với ông Vũ Minh N.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Thanh T và ông Vũ Minh N có 03 con chung tên là Vũ Tiến M, sinh ngày 22/01/2019, Vũ Ngọc Gia K, sinh ngày 27/9/2023 và Vũ Ngọc Thiên K, sinh ngày 27/9/2023. Bà T có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Thiên K, giao các cháu Vũ Tiến M và Vũ Ngọc Gia K cho ông N nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Bà Lê Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, không còn có yêu cầu nào khác.

- *Tại bản tự khai đề ngày 10/3/2026, bị đơn là ông Vũ Minh N trình bày.*

Về hôn nhân: Ông Vũ Minh N và bà Lê Thị Thanh T kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước (Nay là xã T, tỉnh Đồng Nai). Quá trình chung sống, ông N và bà T sống hạnh phúc đến năm 2025, từ đầu năm 2026 đến nay thì hai người sống không có hạnh phúc mà mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất với nhau trong quan điểm sống, ông N và bà T cũng đã nhiều lần trao đổi nhưng không được, nên bà T cứ cương quyết xin ly hôn thì bản thân ông N có cố tình níu kéo cũng không được gì nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Vũ Minh N và bà T có 03 con chung tên là Vũ Tiến M, sinh ngày 22/01/2019, Vũ Ngọc Gia K, sinh ngày 27/9/2023 và Vũ Ngọc Thiên K, sinh ngày 27/9/2023. Ông Vũ Minh N có yêu cầu được nuôi 02 con chung là Vũ Tiến M và Vũ Ngọc Gia K, giao cháu Vũ Ngọc Thiên K cho bà T nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan: Ông Vũ Minh N đồng ý với bà T là không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn. Phân tích các tình tiết của vụ án, tài liệu, chứng cứ được kiểm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự ... năm 2025; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. *Về hôn nhân:* Đề nghị tuyên xử cho bà Lê Trịnh Thanh T được ly hôn với ông Vũ Minh N.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Đề nghị giao cháu Vũ Ngọc Thiên K, sinh ngày 27/9/2023 cho bà Lê Trịnh Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao các cháu Vũ Tiến M, sinh ngày 22/01/2019, Vũ Ngọc Gia K, sinh ngày 27/9/2023 cho ông Vũ Minh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con (Do các đương sự không yêu cầu)

3. *Về tài sản chung:* Không xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Trịnh Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Minh N, yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là ông Vũ Minh N cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Nai. Theo quy định tại Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Lê Trịnh Thanh T và bị đơn là ông Vũ Minh N có đơn xin xét xử vắng mặt, áp dụng các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Yêu cầu của đương sự:

[1] Về hôn nhân: Bà Lê Trịnh Thanh T và ông Vũ Minh N kết hôn với nhau một cách tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước nay là xã T, tỉnh Đồng Nai (*Bản sao trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Nai ký cấp ngày 27/02/2026 - BL số 04*). Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ về điều kiện và thủ tục kết hôn được quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, bà Lê Trịnh Thanh T và ông Vũ Minh N sống với nhau hạnh phúc đến hết năm 2025, từ đầu năm 2026 đến nay thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn là do giữa hai người có tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống giữa họ không còn sự chia sẻ, thông cảm, bỏ qua cho nhau những bất đồng làm cho tình cảm vợ chồng ngày một nhạt phai, cả hai người xác định tình cảm mà họ dành cho nhau đã thực sự hết nên có yêu cầu ly hôn. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa bà Lê Trịnh Thanh T và ông Vũ Minh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu cứ duy trì cuộc hôn nhân giữa hai người thì cũng không có ý nghĩa gì mà chỉ làm khổ cho nhau. Vì vậy, bà Lê Trịnh Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Vũ Minh N là có căn cứ và được chấp nhận.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Bà Lê Trịnh Thanh T và ông Vũ Minh N có 03 con chung tên là Vũ Tiến M, sinh ngày 22/01/2019, Vũ Ngọc Gia K, sinh ngày 27/9/2023 và Vũ Ngọc Thiên K, sinh ngày 27/9/2023 (*Bản sao Giấy khai sinh số 107 do UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước ký ngày 31/01/2019 - BL số 07; Bản sao Giấy khai sinh số 161 do UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai ký ngày 05/10/2023 - BL số 08; Bản sao Giấy khai sinh số 160 do UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai ký ngày 05/10/2023 - BL số 09*). Bà Lê Trịnh Thanh T và ông Vũ Minh N thống nhất thỏa thuận giao các cháu Vũ Tiến M, sinh ngày 22/01/2019, Vũ Ngọc Gia K, sinh ngày 27/9/2023 cho ông Vũ Minh N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Ngọc Thiên K, sinh ngày 27/9/2023 cho bà Lê Trịnh Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của con trẻ và quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Tuy nhiên, nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con chung gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của người trực tiếp nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích tốt nhất về mọi mặt con trẻ, bà T và ông N có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết việc cấp dưỡng hoặc việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Trịnh Thanh T được ly hôn với ông Vũ Minh N.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao cháu Vũ Ngọc Thiên K, sinh ngày 27/9/2023 cho bà Lê Trịnh Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao các cháu Vũ Tiến M, sinh ngày 22/01/2019 và Vũ Ngọc Gia K, sinh ngày 27/9/2023 cho ông Vũ Minh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Tuy nhiên, nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con chung gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của người trực tiếp nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích tốt nhất về mọi mặt con trẻ, bà T và ông N có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết việc cấp dưỡng hoặc việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Trịnh Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Trịnh Thanh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004172 ngày 02/3/2026 của Thi hành án dân sự Đồng Nai.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai;
- UBND xã T, tỉnh Đồng Nai.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Quang Dũng